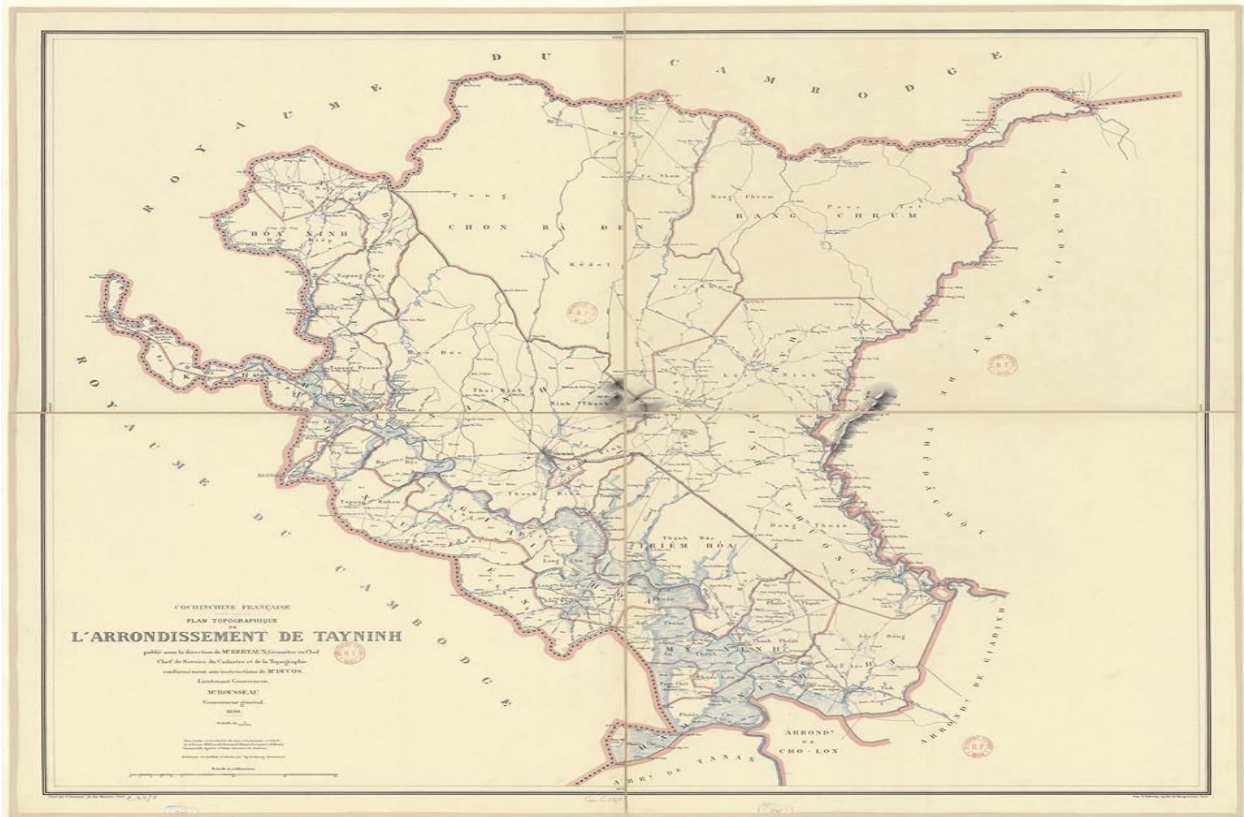


VÙNG ĐẤT TÂY NINH BUỔI ĐẦU KHAI PHÁ (TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX)

Nguyễn Đình Cơ¹ – Lê Văn Huê²

Tây Ninh là vùng đất “phiên dậu” phía Tây Nam của Tổ quốc, với bề dày lịch sử ngang bằng với Sài Gòn, Biên Hòa (hơn 300 năm). Theo nhà nghiên cứu Huỳnh Minh: Tây Ninh vốn là một vùng đất thuộc Thủy Chân Lạp, với tên gọi là Romdum Ray (Chuồn Voi)³. Nơi này vốn xưa kia chỉ có rừng rậm là nơi cư ngụ của các loài thú dữ như: voi, cọp, hổ, rắn... Trước khi lưu dân người Việt đến đây, vùng đất này còn rất hoang vu, dân cư rất thưa thớt, lạc hậu, quản lý lỏng lẻo, gần như là “vô chủ”.



Bản đồ Tây Ninh năm 1889

[Nguồn: <https://www.facebook.com/duc.vuong.7121/posts/620289541478500>]

¹ NCS, Trường Cdsp trung ương Tp Hồ Chí Minh, E-mail: Nguyendinhco1985@gmail.com

² Cử nhân, Trường Trương Vĩnh Ký Tp Hồ Chí Minh.

³ Huỳnh Minh (1972), *Tây Ninh xưa và nay*, Nxb Sài Gòn, Sài Gòn, trang 15.

1. Lịch sử khai phá vùng đất Tây Ninh trong thời kỳ các chúa Nguyễn (thế kỷ XVII-XVIII)

Vào thế kỉ XVII, từ ngũ Quảng, người Việt đã vượt biển di cư vào vùng Mô Xoài (Bà Rịa), Đồng Nai, Gia Định ở “*chung lộn*” với các cư dân bản địa, khai hoang lập ấp và từng bước định hình nên vùng đất Nam Bộ. Cũng trong thời gian này (giữa thế kỉ XVII), người Việt đã đến định cư, khai khẩn đất đai ở Hóc Môn đến Trảng Bàng rồi qua Gò Dầu lên tận núi Bà Đen.

Mùa xuân năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn cử Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý vùng đất phương Nam. Nguyễn Hữu Cảnh đã “*lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lấy đất Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng nên dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Côn làm huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh lập ra một chức lưu thủ, cai bạ và ký lục để cai trị*”⁴. Phủ Gia Định bấy giờ rất rộng chỉ riêng huyện Tân Bình đã bao gồm phần lớn thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang và tỉnh Tây Ninh hiện nay. Như vậy, cùng với sự kiện năm Mậu Dần (1698), Tây Ninh đã chính thức được tích hợp về với Đại Việt và trực thuộc huyện Tân Bình, phủ Gia Định. Vùng đất Tây Ninh lúc đó bao gồm hai đạo Quang Hóa và Quang Phong, ước chừng 1000 lưu dân người Việt sinh sống. Ở đạo Quang Phong (phía Bắc Tây Ninh hiện nay) theo nhà nghiên cứu Vương Công Đức là nơi những lưu dân người Việt đặt chân tới đầu tiên, họ men theo con sông Tân Bình từ vùng Bến Nghé lên khai phá đất đai, kết thành thôn xóm ở vùng Tân Thuận (sau đổi thành Đôn Thuận), lân cận với các thôn Phú Mỹ Hưng, Thanh Tuyền, tất cả đều thuộc tổng Dương Hòa, huyện Bình Dương⁵. Ở đạo Quang Hóa (phía Nam Tây Ninh), theo tài liệu thư tịch và gia phả của một số gia đình ở Tây Ninh hiện còn lưu giữ được thì vùng Bình Tịnh (nay là xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng), được coi là một trong những nơi người Việt đến định cư sớm nhất ở Tây Ninh. Những cư dân này vốn có gốc từ lớp cư dân ngũ Quảng di cư đến xóm Ràng (nay thuộc xã Trung Lập, huyện Củ Chi) vào khoảng cuối thế kỷ XVII rồi tỏa lên phía Bắc đặt chân đến vùng đất Tây Ninh để tìm đất

⁴ Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia định thành thống chí*, phần 3, Nxb Văn hóa, Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn, trang 5.

⁵ Vương Công Đức (2016), *Trảng Bàng phương chí*, Nxb Tri thức, Hà Nội, trang 101.

sinh sống⁶. Từ Trảng Bàng những lưu dân người Việt ngược lên phía Bắc ven theo con sông Vàm Cỏ Đông để khai phá, mở rộng đất đai và định cư ở những vùng đất thuộc Gò Dầu, Bến Cầu, rồi lên thành phố Tây Ninh cho tới chân núi Bà Đen.

Tuy nhiên thời kì này trên địa bàn 2 đạo Quang Phong và Quang Hóa, người Việt còn rất ít. Họ vừa phải khai khẩn mở rộng vùng đất, vừa phải chống lại nguy cơ xâm lấn từ Cao Miên để bảo vệ thành quả của mình. Vùng đất này là một vùng rừng núi rậm, hoang vu, giáp với biên giới Cao Miên, được coi là “Vùng mắt an ninh”, “vùng tranh chấp”, nên chúa Nguyễn rất lưu ý đến việc bảo vệ. Theo Lê Quý Đôn, vào giữa thế kỉ XVIII, dọc theo sông Vàm Cỏ và các phụ lưu, chúa Nguyễn đã bố trí 720 lính biên phòng, quản lý 5 đội thuyền với 15 chiếc thuyền⁷. Có thể nói đây là một lực lượng rất quan trọng vừa bảo vệ được cư dân người Việt, vừa là điểm tựa giúp họ có thể mở rộng khai phá thêm nhiều đất đai ở nơi đây. Vào thời điểm này “*huyện Phước Long và các thuộc*” chỉ có khoảng 5.532 người, 2 đạo Quang Hóa và Quang Phong xa xôi dân cư thưa thớt mới thấy số lính biên phòng trên đây là một lực lượng đông đảo góp phần quan trọng trong quá trình hình thành của cộng đồng cư dân người Việt ở Tây Ninh. Các đồn lính mọc lên ở đâu thì cư dân cũng tập trung ở đó ngày một đông hơn, ví dụ dọc theo sông Vàm cỏ, hay ven sông Khe Lãng (rạch Tây Ninh), hoặc ở Bến Tầm Long (Châu Thành)... Từ những điểm quần cư ven sông rạch người Việt mở rộng dần xuống những vùng đất thấp hơn thuận tiện cho sản xuất nông nghiệp. Từ đó những vùng đất trù phú được hình thành.

Để khai phá vùng đất biên giới cực Tây Nam của mình, ngoài những chính sách thu hút người Việt vào đây, chúa Nguyễn còn đưa nhiều tù binh chiến tranh người Chăm, hoặc chiêu dụ người Chăm ở Chân Lạp vào khai phá vùng đất này. Người Chăm ở Tây Ninh chủ yếu là người Chăm Islam đã cùng chung lưng đấu cật với người Việt và các cộng đồng cư dân khác để mở rộng vùng đất của 2 đạo Quang Phong và Quang Hóa. Nhiều Phun sóc của người Chăm được hình thành. Trong “Gia Định thành thông chí”

⁶ Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2006), *Địa chí tỉnh Tây Ninh*, Nxb Sở Văn hóa thông tin Tây Ninh, Tây Ninh, trang 87.

⁷ Lê Quý Đôn (1973), *Phủ biên tạp lục*, Lê Xuân Giáo dịch, Ủy ban dịch thuật Nhà Văn hóa Phú Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, trang 196.

Trịnh Hoài Đức có ghi lại một sự kiện vào giữa thế kỉ XVIII, Chúa Trịnh Doanh âm mưu cầu kết với Chân Lạp để đánh Đàng Trong. Võ Vương (Nguyễn Phúc Khoát) cử Nghi Biểu hầu Nguyễn Cư Trinh đánh sang Chân Lạp. Quân nhà Nguyễn thắng lớn. Trong trận đánh đó Nguyễn Cư Trinh đã chiêu dụ được hơn 5000 người Chăm ở Chân Lạp theo mình. Năm 1755, “*Nghi Biểu hầu đón hơn 5000 dân Côn Man (Người Chăm) cả nam lẫn nữ về cư trú dưới núi Bà Đing (Đen)*”⁸. Sự kiện này chứng tỏ rằng đến giữa thế kỷ XVIII, khu vực chung quanh núi Bà Đen (phía bắc Tây Ninh) dân cư đã quần cư khá đông.

Một lý do nữa để thu hút cư dân đến vùng đất Quang Hóa và Quang Phong là vì nơi đây vốn là miền rừng rậm “*có nhiều gỗ sao, trắc, giáng hương và gỗ gụ*”⁹, “*có nhiều gỗ súc đóng ghe*”¹⁰. Thêm nữa chúa Nguyễn đã có những chính sách để khai thác lâm thổ sản ở Tây Ninh. Theo Trịnh Hoài Đức, giữa thế kỉ XVIII, đã có nhiều “*thợ rừng thợ mộc cắt lều trại ở để đốn cây lấy gỗ và than củi, dầu rái, mây thiết đặng, thủy đặng, và săn bắn hươu nai, ngựa rừng, trâu rừng, chim muông để răng, sừng, cánh, long, da thịt để phơi khô đem bán*”¹¹. Chúa Nguyễn còn tổ chức những đội khai thác gỗ để đóng thuyền, các đội này được cấp hàng ngàn quan tiền hàng ngàn phương gạo và hàng trăm lính phục vụ cho việc khai thác. Cũng theo những tư liệu địa phương và Quốc sử quán triều Nguyễn khi bị quân Tây Sơn truy đuổi Nguyễn Ánh đã có thời gian trú ngụ tại đất Tây Ninh. Tháng 11/1789, khi đã chiếm lại được Gia Định, Ông đã ra lệnh cho 2 dinh Trấn Biên và Phiên Trấn mộ người ra các nậu khai thác lâm thổ sản như nậu dầu rái, nậu dầu trâm, nậu đèn nến, nậu mây sắt, mây nước, nậu lá bong¹². Các nậu này khai phá vùng Quang Hóa, Quang Phong, Ba Can, Đồng Môn... Cũng theo “Đại Nam thực lục” thì vào năm 1789, Nguyễn Ánh đã “*sai Cai cơ vệ Nguyễn Trực là Nguyễn Công Danh giữ đạo Quang Uy (vùng Hóc Môn, Đức Hòa-Củ Chi) theo dân và địa thế và cứ 10 nhà làm một ấp nhỏ, 50 nhà làm một ấp lớn, mỗi ấp có trưởng ấp...*”¹³.

⁸Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia định thành thống chí*, sđd, tr 7.

⁹Lê Quý Đôn (1973), *Phủ biên tạp lục*, sđd, trang 196.

¹⁰Lê Quý Đôn (1973), *Phủ biên tạp lục*, sđd, trang 320.

¹¹Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia định thành thông chí*, sđd, trang 47-48

¹²Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, Nxb giáo dục, Hà Nội, tập 1, trang 250.

¹³Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, sđd, trang 251.

Những tụ điểm dân cư gần các đồn lính biên phòng ở Trảng Bàng, Gò Dầu, thị xã Tây Ninh có lẽ cũng được tổ chức thành các thôn ấp vào thời kì đó.

Như vậy đến cuối thế kỉ XVIII, trên đất Tây Ninh đã hình thành những thôn làng phân bố theo dọc các triền sông, gần các thủ sở, đồn biên phòng. Cư dân ở các thôn ấp này đã sản xuất nông nghiệp để làm ra lương thực, đồng thời khai thác nguồn lâm thổ sản phong phú nơi đây tuân theo các quy định thuế khóa mà chúa Nguyễn đặt ra.

Có thể thấy trong 2 thế kỉ XVII-XVIII, các cộng đồng cư dân ở Tây Ninh (trong đó chủ yếu là người Việt) đã bước đầu khai phá và định hình nên vùng đất của 2 đạo Quang Phong, Quang Hóa (thuộc huyện Phước Long, sau được trả về dinh Phiên Trấn). Tuy nhiên trong thời kì này chỉ có một số vùng đất ở phía Nam (gần với thủ phủ dinh) tương ứng với Trảng Bàng, Gò Dầu, một phần Bến Cầu và xung quanh một số đồn biên phòng dọc sông Vàm Cỏ Đông đã được khai phá và lập thành thôn ấp. Mặt khác các thôn ấp trong thế kỷ XVII-XVIII vẫn là quá trình ngụ cư tự nhiên của dân chúng, chưa trở thành một đơn vị hành chính của nhà nước.

2. Lịch sử khai phá vùng đất Tây Ninh thời các vua Nguyễn (giữa thế kỷ XIX)

Năm 1802, sau khi đánh bại phong trào Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi lập ra vương triều Nguyễn. Nhà Nguyễn ra đời đã thiết lập nên một thiết chế quản lí đất nước thống nhất từ Bắc tới Nam. Lúc đầu vùng đất Gia Định được chia thành các trấn thuộc Gia Định thành. *“Thành có nhiệm vụ trông coi các việc binh dân, thuế dịch, và hình án của năm trấn: Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Định Tường và Hà Tiên, đồng thời còn kiêm lãnh đạo từ xa thêm trấn Bình Thuận ở phía bắc. Phạm việc binh thì do thành chỉ huy, còn các việc thuế dịch, hình án khác thì các trấn tự sắp đặt”*¹⁴.

Theo Trịnh Hoài Đức, khu vực 2 đạo Quang Phong và Quang Hóa thuộc địa phận của 2 tổng Dương Hòa và Bình Cách. Tổng Dương Hòa thuộc huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, trấn Phiên An, có một vùng đất *“chạy vòng theo núi Bà Đỉnh (Đen) qua chằm phá tiếp với miền man núi”*¹⁵. Toàn tổng Dương Hòa lúc đó có 74 thôn, ấp, nhưng phần

¹⁴ Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia định thành thống chí*, sđd, trang 13.

¹⁵ Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia định thành thống chí*, sđd, trang 26.

thuộc đất Tây Ninh chỉ có một thôn là thôn Tân Thuận (sau đổi thành Đôn Thuận). Thôn này tương ứng với vùng đất nằm ở phía Bắc của Tây Ninh ngày nay (phần lớn Thành phố Tây Ninh, phần lớn huyện Châu Thành, một phần huyện Dương Minh Châu). Còn tổng Bình Cách thuộc huyện Thuận An, phủ Tân Bình có 33 thôn, ấp trong đó trên vùng đất thuộc Tây Ninh ngày nay có bốn thôn, là: Cẩm Giang Tây, Thạnh Đức, Thanh Phước, Bình Tịnh Đông. Các thôn này nằm về phía Nam của Tây Ninh, tương ứng với vùng đất của huyện Trảng Bàng, Gò Dầu và Bến Cầu ngày nay.

Do những chính sách thu hút khai hoang rất có hiệu quả của nhà Nguyễn, những luồng di cư mới của lưu dân người Việt không ngừng đổ về Tây Ninh làm cho bản đồ khai phá vùng đất này đã không ngừng biến đổi trong những năm giữa thế kỉ XIX. Đặc biệt là vào năm Gia Long thứ 14 (1815), triều đình Huế đã cho mở con đường từ phía Tây Gia Định (Cửa Đài Nguyệt của tỉnh Thành) đi sang Cao Miên qua địa phận của 2 đạo Quang Phong, Quang Hóa¹⁶. Nhà nghiên cứu Huỳnh Minh đã miêu tả khá chi tiết: “*con đường từ đất Gia Định, Hóc môn, Ngã ba thặng tây, Tân Phú Trung, ...cách hướng đông quận lỵ thẳng tới làng Trung Lập (Củ Chi ngày nay), Trảng Long Cong, đến địa phận tỉnh Tây Ninh qua ngã tư Bàu Đồn ngang qua Cầu Khởi, lên trước Tòa thánh Tây Ninh vào tỉnh lỵ, dài gần 100 cây số ngàn.*”¹⁷. Đó là 1 trong 3 con đường “Thiên Lý” ở Gia Định thời nhà Nguyễn mà dân gian còn gọi là “con đường sứ”, hay “con đường công sứ”. Chính quyền nhà Nguyễn mở con đường này nhằm 2 mục tiêu chính: thứ nhất là mục tiêu ngoại giao (qua lại của đoàn sứ thần 2 nước, chủ yếu là những đoàn sứ Chân Lạp sang công sứ Đại Nam); thứ hai là mục tiêu quân sự (giữ vững an ninh vùng biên, dễ dàng đem quân từ Gia Định thành trấn áp các cuộc xâm lấn biên giới của Chân Lạp, hoặc đem quân hỗ trợ Chân Lạp chống lại Xiêm La). Như nhận định của nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Lợi: “*Dưới triều Nguyễn, con đường Sứ là huyết mạch giữa Gia Định và Nam Vang (Cao Miên). Các đoàn sứ thần, các đoàn thương nhân qua lại bằng xe trâu, xe bò hoặc ngựa thồ, vận chuyển hàng hóa giữa hai vương quốc. Con đường này đã từng chứng kiến những đoàn quân của triều Nguyễn đến tiếp cứu theo yêu cầu của triều đình Cao Miên để*

¹⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, sđd, trang 265.

¹⁷ Huỳnh Minh (1972), *Tây Ninh xưa và nay*, Nxb Sài Gòn, Sài Gòn, trang 47.

chống lại quân xâm lược Xiêm”¹⁸. Khi con đường này mới được mở theo ghi nhận của bộ sử nhà Nguyễn thì “*đường xa vắng vẻ, không có nhà cửa dân cư*”¹⁹. Tuy nhiên việc mở con đường này đã có tác động rất lớn đến công cuộc khai khẩn vùng đất Tây Ninh. Lưu dân người Việt từ Hóc Môn, Củ Chi tìm lên, từ vùng Mỹ Tho, Ba Giồng ngược sông Vàm Cỏ kéo đến khai khẩn, định cư thành những thôn ấp dọc 2 bên con đường mới mở.



Con đường thiên lý cũ [Nguồn: <http://baotang.tayninh.gov.vn>]

Năm 1836, sau khi đàn áp xong cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, vua Minh Mạng cử phái đoàn do 2 viên quan đại thân: Trương Minh Giảng và Trương Đăng Quế dẫn đầu vào Nam Kỳ để đo đạc lại đất đai và lập sổ địa bạ của cả vùng Nam bộ. Kết quả của cuộc “đại kinh lý” kể trên là triều đình đã quyết định cho lập phủ Tây Ninh. “*Năm thứ 17 (1836) đổi xây thành như hiện nay, đổi tên thành tỉnh Gia Định. Đổi An-Biên tổng đốc làm Định - Biên Tổng Đốc...đặt thêm phủ Tây Ninh, lãnh 2 huyện Tân Ninh và Quang Hóa*”²⁰.

Phủ Tây Ninh ở phía Tây tỉnh thành (Gia Định) 147 dặm, đông tây cách nhau 130 dặm, nam bắc cách nhau 95 dặm, từ phủ qua phía đông đến giới hạn huyện Bình Long, phủ Tân Bình 66 dặm, phía tây đến đất Man liền theo dưới hạn huyện Kiến Hưng, tỉnh

¹⁸ Nguyễn Thanh Lợi, *Con đường thiên lý*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 9-10, 11-12, 2008.

¹⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, sđd, trang 265.

²⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, sđd, tập 5, trang 235.

Định Tường 37 dặm, phía nam đến giới hạn huyện Bình Dương, huyện Cửu An 77 dặm, phía bắc vượt qua núi Chêng (hay Chiêng) giáp đất Man 18 dặm²¹.

Với sự kiện phủ Tây Ninh được thành lập, lần đầu tiên địa danh “Tây Ninh” xuất hiện. Cái tên “Tây Ninh” ra đời mang theo khát vọng về một vùng biên giới phía Tây được an ninh mãi mãi. Điều này cho thấy vị thế quan trọng của vùng đất này trong chiến lược giữ vững biên giới, cũng như khẳng định quyền lực của Đại Nam trong khu vực dưới thời hoàng đế Minh Mạng. Có một sự kiện mà theo nhà nghiên cứu Vương Công Đức “có ý nghĩa bước ngoặt quan trọng, chặn được đà tấn công trên bộ của quân Xiêm La” mà bộ *Đại Nam thực lục* ghi chép rất chi tiết nhưng hầu như chính sử và sử địa phương không nhắc tới, đó là chiến thắng đồn Xi Khê ở xứ Quang Phong (năm Minh Mạng thứ 15, 1834). Khoảng hơn 700 quân Xiêm vượt rạch Xi Khê (nay là rạch Tây Ninh), âm mưu tấn công Gia Định, cứu viện cho Lê Văn Khôi. Quân nhà Nguyễn đã đánh tan đội quân đó buộc quân Xiêm phải lui quân vào sâu lãnh thổ Chân Lạp. Chiến thắng này đã khẳng định được sức mạnh và vị thế của Đại Nam đối với Xiêm và Chân Lạp ở giữa thế kỷ XIX. Có thể thấy vai trò quan trọng của nó như thế nào qua thái độ của vua Minh Mạng khi nghe tin chiến thắng (báo về kinh đô đã quá nửa đêm), “*Vua trở dậy, khoác áo ra xem, cả mừng*”, sau đó liên tiếp thưởng cho những người báo tin, lần những người có công²²... Và trong cái đêm vui mừng trong chiến thắng đó có thể cái tên “Tây Ninh” đã xuất hiện trong đầu vua Minh Mạng, để đến năm 1836, phủ Tây Ninh được chính thức thành lập.

Sang thời Thiệu Trị, nhà Nguyễn tiếp tục đẩy mạnh những chính sách khẩn hoang ở Tây Ninh. Tháng 3/1845, quyền tuyên phủ sứ Tây Ninh là Cao Hữu Dực báo cáo về triều đình đã lập được 26 xã thôn mới sau một thời gian chiêu dân lập ấp ở Tây Ninh²³.

Đầu thập niên 50 của thế kỷ XIX, về cơ bản phủ Tây Ninh đã xác định rõ ràng về ranh giới xóm làng cụ thể trong bản đồ Đại Nam. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, Tây Ninh vào thời kỳ đó là một phủ của tỉnh Gia Định, lãnh 2 huyện, 7 tổng và 56 xã²⁴. Với

²¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tập 5, trang 240.

²² Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, tập 4, sđd, trang 13-14

²³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục tiền biên*, tập 6, sđd, trang 721-722.

²⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế, tập 5, trang 240.

các đơn vị hành chính như vậy, có thể thấy địa giới phủ Tây Ninh giữa thế kỷ XIX về cơ bản trùng với địa giới Tây Ninh hiện nay. Căn cứ vào các làng xã người Việt thời kì này có thể thấy họ đã có công khai phá được phân nửa địa bàn của toàn phủ Tây Ninh ở phía Nam con đường từ chân núi Bà Đen qua Vĩnh Xuân, Thái Bình lên Trí Bình ở bến Tầm Long. Điều đó có nghĩa là vùng đất thuộc các huyện Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu, Châu Thành, Hòa Thành, thành phố Tây Ninh và một phần huyện Dương Minh Châu về cơ bản đã được người Việt khai phá giữa thế kỉ XIX. Vùng phía Bắc Tây Ninh vẫn còn là rừng rậm hoang dã, lác đác có vài phun sóc của người Khmer.

Như vậy, đến nửa đầu thế kỷ XIX, bản đồ Tây Ninh về cơ bản được xác lập tương đối hoàn chỉnh như hiện nay. Quá trình khẩn hoang, lập làng ở Tây Ninh đã góp phần bảo vệ vững chắc an ninh cho vùng biên giới phía Tây Nam của nước Đại Nam. Về con đường khai phá, người Việt đến Tây Ninh bằng 2 hướng: ở hướng phía Bắc đi đường thủy theo sông Tân Bình từ vùng Bến Nghé (Sài Gòn ngày nay) lên vùng Thanh Tuyền, Dầu Tiếng (Bình Dương) đến vùng Tân Thuận (sau đổi là Đôn Thuận); ở hướng phía Nam đi theo 2 đường: một là theo đường Thiên lý cù từ Gia Định, qua Hóc Môn, Củ Chi tới Trảng Bàng, Gò Dầu lên Bàu Đồn tới Tây Ninh; một là theo đường thủy ngược sông Vàm Cỏ từ vùng Mỹ Tho, Ba Giồng lên Trảng Bàng, Gò Dầu, Bến Cầu đến vùng Bến Kéo (thành phố Tây Ninh hiện nay). Về phương thức khai phá, cũng giống như nhiều vùng đất khác ở Nam Bộ, công cuộc khai phá đất đai ở Tây Ninh được tiến hành theo hình thức “*dân mở đất trước, nhà nước cai trị sau*”. Ban đầu, lưu dân người Việt tự phát tìm đến khai khẩn đất đai, lập làng, dần dần chính quyền đã sáp nhập những vùng đất đó vào phân lãnh thổ do mình cai quản.

So với những vùng đất khác ở Nam bộ, quá trình mở đất Tây Ninh cũng có những đặc điểm khác, mang dấu ấn riêng. Đó là việc khai phá đất đai gắn liền với việc bảo vệ an ninh biên giới được chính quyền chú ý. Nhiều đồn bảo biên phòng được xây dựng (như đồn Thanh Liêu, Đôn Thuận, Định Liêu), số lượng quân đội đồn trú ở đây không ngừng tăng lên qua từng thời kỳ làm chỗ dựa cho lưu dân người Việt có thể khai phá và mở rộng đất đai. Về quá trình lập làng ở Tây Ninh có vai trò lớn của các bậc “tiền hiền” như Đặng Văn Trước, Nguyễn Văn Thiện... theo lời kêu gọi của nhà nước, các vị đã tìm đến Tây

Ninh tập hợp dân đình vừa khai khẩn đất đai, lập làng, vừa tự tổ chức bảo vệ các làng xóm mới khai phá trước sự tấn công của các thế lực bên ngoài. Ngoài ra, việc thành lập các làng xóm ở Tây Ninh (như Bình Tịnh, Thanh Phước, Thạnh Đức, Cẩm Giang Tây...) thường có dấu ấn của một, hoặc một số dòng họ lớn. Lưu dân người Việt từ Đàng Ngoài, do mất mùa, loạn lạc chạy vào vùng ngũ Quảng rồi từ đó di cư vào vùng đất này, mang theo những tập tục sinh hoạt, văn hóa, nhiều người mang theo cả họ hàng mình vào để khai khẩn đất hoang. Vì vậy, làng xóm ở Tây Ninh được thành lập vẫn mang những nét “rất quen” của làng xã Bắc bộ và Bắc Trung bộ.

Để phục dựng lại bức tranh những ngày đầu cộng đồng cư dân ở Tây Ninh tìm đến và ra sức khai phá vùng đất hoang sơ để lập nên làng xóm, ổn định cuộc sống quả không dễ dàng, bởi tư liệu còn lại quá ít ỏi. Tuy nhiên, trên cơ sở cái nền chung của công cuộc khẩn hoang Nam bộ, cùng với một số tư liệu ít ỏi ghi chép về Tây Ninh trong Quốc sử quán nhà Nguyễn, kết hợp với những tài liệu khảo cứu ở địa phương đã giúp tác giả bước đầu làm rõ lịch sử khai phá vùng đất Tây Ninh. Từ 2 đạo Quang Phong, Quang Hóa xa xôi và hoang vu đến phủ Tây Ninh của tỉnh Gia Định là thành quả từ biết bao mồ hôi, xương máu của các cộng đồng cư dân Tây Ninh đã đổ xuống qua nhiều thế kỉ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quý Đôn (1973), *Phủ biên tạp lục*, Lê Xuân Giáo dịch, Ủy ban dịch thuật Nha Văn hóa Phú Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn.
2. Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia định thành thống chí*, phần 3, Nxb Văn hóa, Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Sài Gòn.
3. Vương Công Đức (2016), *Trảng Bàng Phương Chí*, Nxb Trí Thức, Hà Nội.
4. Nguyễn Thanh Lợi, *Con đường thiên lý*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 9-10, 11-12, 2008.
5. Huỳnh Minh (1972), *Tây Ninh xưa và nay*, Nxb Sài Gòn, Sài Gòn.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2006), *Địa chí tỉnh Tây Ninh*, Nxb Sở Văn hóa thông tin Tây Ninh, Tây Ninh.